



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

NGUYỄN DUY PHƯƠNG
HOTLINE: 0914 977 987

Số hợp đồng: **009304**

Mã khách hàng:

Tp. Hồ Chí Minh, ngàytháng năm 201.....

Bên A (Khách hàng) Tên cá nhân/ pháp nhân:

Đại diện: Chức vụ:

Số CMND/Hộ chiếu/Giấy phép thành lập: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: Số nhà: Đường/ Tô/ Ấp: Phường Quận/ Huyện: TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại liên lạc: Fax: Email:

Mã số thuế:

Tài khoản số: Tại Ngân hàng

Bên B: Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông

Đại diện: **Bà Phạm Hồng Hà** Chức vụ: **PGĐ Trung Tâm Kinh Doanh** - (Theo Giấy ủy quyền số 313/TTKD-TCCBLD ký ngày 28/07/2015)

Địa chỉ: 121 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 800126 Fax: 3528 2204

Mã số thuế: 0106869738-005

Tên chủ tài khoản: Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông - Số khoản số: 007.100.1020048 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN TP. HCM

Hình thức thanh toán: Tại điểm thu cước Qua ngân hàng Thu tận nơi

Sau khi Bên A đã đọc kỹ Điều khoản chung đã cùng với Bên B thỏa thuận như sau:

- 1 Cam kết tuân thủ Điều khoản chung. Mọi sự thay đổi về nội dung hợp đồng sẽ được qui định trong các phụ lục đính kèm hợp đồng. Điều khoản chung cùng các phụ lục là một phần của hợp đồng này.
- 2 Bên B cam kết cung cấp dịch vụ cho Bên A theo Phiếu yêu cầu. Ngày hòa mạng dịch vụ của Bên A theo qui định trong hợp đồng. Phiếu yêu cầu là phụ lục kèm theo hợp đồng.
- 3 Bên A cam kết thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán cước. Nếu đến ngày 22 hàng tháng mà chưa nhận được thông báo cước thì Bên A liên hệ số điện thoại: 800126 để biết số tiền cước và thanh toán trước ngày 25 hàng tháng. Quá thời hạn này mà Bên A không thanh toán, Bên B buộc phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ theo qui định tại Điều khoản chung.
- 4 Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, có hiệu lực kể từ ngày kích hoạt dịch vụ. Mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện bên A

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)

Đại diện bên B



Phạm Hồng Hà

ĐIỀU KHOẢN CHUNG HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;
- Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
- Căn cứ Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền;
- Căn cứ Thông tư số 05/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về giải quyết khiếu nại của người sử dụng dịch vụ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Khách hàng (gọi tắt là Bên A) và Viễn thông TP.Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Bên B) thỏa thuận và cam kết tuân thủ các điều khoản sau đây:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

1.1. Đối tượng của Hợp đồng là một hoặc bao gồm:

- Dịch vụ điện thoại cố định/Gphone.
- Dịch vụ điện thoại di động.
- Dịch vụ MyTV.
- Các dịch vụ khác theo quy định của Viễn thông TP.Hồ Chí Minh.

1.2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: tại địa chỉ hợp pháp của Bên A và do Bên A yêu cầu cung cấp dịch vụ tại địa chỉ đó.

Điều 2: Giá cước dịch vụ

Giá cước dịch vụ được thực hiện theo quy định của Nhà nước hoặc của Bên B trên cơ sở các quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước về giá cước viễn thông.

Điều 3: Thời hạn Hợp đồng

Thời hạn của Hợp đồng là không xác định, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác. Thỏa thuận khác (nếu có) là Phụ lục không tách rời Hợp đồng này.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

4.1. Quyền của Bên A: được quyền yêu cầu Bên B:

- Cung cấp các dịch vụ theo nội dung tại điều 1.
 - Chuyển quyền sử dụng dịch vụ, thay đổi thông tin cung cấp và sử dụng dịch vụ Viễn thông (Chuyển dịch địa điểm cung cấp dịch vụ, bổ sung, khôi phục, tạm ngưng, thay đổi các dịch vụ sử dụng).
 - Thay đổi hình thức thanh toán, gửi thông báo cước, bản kê chi tiết thanh toán cước để thanh toán cước các dịch vụ đã sử dụng theo quy định hiện hành.
 - Cung cấp hoặc không cung cấp bản kê chi tiết các cước gọi.
- a. Bảo mật tên, địa chỉ, số điện thoại, đăng ký hoặc không đăng ký vào danh bạ điện thoại.
- f. Các quyền khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

4.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- Sử dụng các dịch vụ Viễn thông theo đúng các quy định của Pháp luật Việt Nam, ngành Bưu chính Viễn thông Việt Nam và của Bên B.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cước phí các dịch vụ đã sử dụng theo quy định của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các điều khoản trong Hợp đồng này.

c. Cung cấp chính xác thông tin cho Bên B địa chỉ thanh toán, nhận thông báo cước, bản kê chi tiết thanh toán cước và các thông tin liên quan trong việc thực hiện các thủ tục ký kết Hợp đồng và trong quá trình sử dụng dịch vụ; Chịu trách nhiệm trước Bên B và pháp luật về tính hợp pháp của địa điểm sử dụng dịch vụ theo Hợp đồng.

d. Thông báo bằng văn bản cho Bên B và phối hợp với Bên B thực hiện các thủ tục cần thiết, khi chuyển quyền sử dụng dịch vụ, thay đổi thông tin cung cấp và sử dụng dịch vụ Viễn thông, hình thức thanh toán, nhận thông báo cước, bản kê chi tiết thanh toán cước hoặc chấm dứt Hợp đồng. Bên A phải thanh toán các chi phí (nếu có) cho việc thực hiện các công việc trên.

e. Bảo vệ và chịu trách nhiệm về mật khẩu, khóa mật mã, thiết bị đầu cuối thuê bao, SIM của mình. Trong trường hợp để lộ mật khẩu, mất thiết bị đầu cuối, mất SIM phải đăng ngay các cơ sở của Bên B để kịp thời làm các thủ tục ngưng cung cấp dịch vụ, nếu không Bên A vẫn phải thanh toán cước cho đến khi chính thức báo được cho Bên B. Trong trường hợp khẩn cấp hoặc ngoài giờ làm việc, Bên A có thể gọi đến số máy hỗ trợ khách hàng của Bên B để báo ngưng cung cấp dịch vụ, nhưng chậm nhất là ngày hôm sau phải đến một trong các cơ sở giao dịch của Bên B để làm các thủ tục liên quan.

f. Trường hợp Bên A vi phạm cam kết các chương trình khuyến mại hoặc ưu đãi thì Bên A phải hoàn trả cho Bên B toàn bộ giá trị khuyến mại hoặc ưu đãi đã nhận và hoàn trả thiết bị đầu cuối đã được Bên B trang bị (nếu có).

g. Bên A không được sử dụng các dịch vụ do Bên B cung cấp để kinh doanh lại dưới bất kỳ hình thức nào nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.

h. Các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

5.1. Quyền của Bên B:

a. Yêu cầu Bên A thực hiện đúng các nội dung của Hợp đồng và thỏa thuận khác (nếu có).

b. Tạm ngưng cung cấp dịch vụ hoặc chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của điều khoản chung này.

c. Các quyền khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a. Chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố, bảo đảm tính đúng, đủ, chính xác giá cước dịch vụ.

b. Đảm bảo an toàn bí mật thông tin của Bên A theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của Bên A theo quy định của pháp luật Việt Nam.

d. Cung cấp cho Bên A hóa đơn cước phí sử dụng, bản kê chi tiết các dịch vụ theo đúng quy định hiện hành.

e. Thực hiện các yêu cầu hợp pháp của Bên A về chuyển quyền sử dụng dịch vụ, thay đổi thông tin cung cấp và sử dụng dịch vụ Viễn thông.

f. Khôi phục dịch vụ Viễn thông sau khi Khách hàng đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình đối với trường hợp bị tạm ngưng cung cấp dịch vụ Viễn thông theo quy định tại điều 7 trong Điều khoản chung này.

g. Các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6: Thanh toán cước phí

6.1. Hình thức Bên A thanh toán với Bên B: theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Viễn thông.

6.2. Bên B gửi thông báo thanh toán cước, hóa đơn cước sử dụng hàng tháng cho Bên A theo quy định hiện hành.

6.3. Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản cước phí theo thông báo cho Bên B trước ngày 25 hàng tháng của tháng có ngày phát hành thông báo thanh toán cước.

Điều 7: Tạm ngưng cung cấp dịch vụ

7.1. Trong trường hợp Bên A có nhu cầu tạm ngưng sử dụng dịch vụ, Bên A phải có văn bản yêu cầu Bên B giải quyết và làm các thủ tục, thanh toán hết các khoản cước phải trả tính đến thời điểm tạm ngưng theo quy định hiện hành. Trong thời gian tạm ngưng, Bên A thanh toán cho Bên B cước tạm ngưng theo quy định hiện hành.

7.2. Bên B có quyền đơn phương tạm ngưng cung cấp dịch vụ nếu xảy ra một trong các trường hợp dưới đây:

- Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ được quy định tại khoản 4.2. Điều 4 hoặc giữa hai bên.
- Bên A cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng không chính xác, sử dụng dịch vụ Viễn thông không đúng quy định của pháp luật Việt Nam.
- Thiết bị đầu cuối, mạng nội bộ, dây thuê bao của Bên A không đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng đã quy định, ảnh hưởng đến chất lượng mạng lưới.
- Bên B tổ chức nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới theo kế hoạch hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng xảy ra.
- Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8: Chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng

8.1. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng khi không có nhu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ, trong trường hợp này Bên A phải đến cơ sở giao dịch của Bên B làm các thủ tục chấm dứt Hợp đồng. Hợp đồng chính thức chấm dứt hiệu lực kể từ khi Bên A và Bên B thỏa thuận trong nội dung biên bản chấm dứt Hợp đồng.

8.2. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Khi kết thúc thời gian tạm ngưng cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 7.1. Điều 7 Điều khoản chung này mà Bên A không có yêu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ. Trường hợp này, Bên A vẫn phải thanh toán cho Bên B cước áp dụng cho thời gian tạm ngưng cung cấp dịch vụ như quy định tại khoản 7.1.
- Sau 60 ngày Bên A bị tạm ngưng cung cấp dịch vụ Viễn thông theo quy định tại điểm a, b, c khoản 7.2 Điều 7 mà Bên A vẫn không thực hiện các nghĩa vụ của mình như Điều khoản chung và Hợp đồng đã quy định.
- Bên A có hành vi làm ảnh hưởng đến an toàn mạng Viễn thông và an ninh thông tin hoặc có hành vi vi phạm khác trong việc sử dụng dịch vụ Viễn thông mà hành vi đó được quy định, mô tả tại các văn bản pháp luật.
- Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại

9.1. Phạm vi từ điểm kết cuối về phía Bên B thuộc trách nhiệm của Bên B. Phạm vi từ điểm kết cuối về phía Bên A thuộc trách nhiệm của Bên A.

9.2. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Điều khoản cuối cùng

10.1. Trong quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng, các bên có thể có thỏa thuận khác nhưng không được trái với điều khoản chung này. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước bên kia và trước pháp luật.

10.2. Đối với các vấn đề phát sinh không được ghi trong Điều khoản chung và Hợp đồng thì áp dụng theo Pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

10.3. Nếu các văn bản nêu trong phần căn cứ được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ thì các quy định liên quan trong Điều khoản chung cũng được thay đổi tương ứng.